

Số: 47 /KH-LVT

Tam Mỹ Tây, ngày 12 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện 3 công khai năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024,

Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tâm lập Kế hoạch thực hiện 3 công khai cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường, xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện công khai của nhà trường phải đảm bảo đầy đủ nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thông tin được công khai phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

b. Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (theo Biểu mẫu 10).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

Kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a. Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 11).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo (theo Biểu mẫu 12).

3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường: tại địa chỉ <http://levantamnt.edu.vn>

- Niêm yết công khai tại nhà trường (tất cả các nội dung).

- Công khai trong các kỳ họp cha mẹ học sinh (chú ý công khai mức thu học phí và các khoản thu khác).

2. Thời điểm công khai:

Công khai khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật, công khai khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

a. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo kế hoạch. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

b. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học mới cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Núi Thành.

c. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường theo quy định.

d. Thực hiện công bố công khai bằng các hình thức sau đây:

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

- Niêm yết công khai tại cơ quan đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

- Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

2. Trách nhiệm của Phó hiệu trưởng, các tập thể và cá nhân trong nhà trường

- Thực hiện các công việc do Hiệu trưởng giao trong công tác thực hiện 3 công khai theo quy định.

- Tuyên truyền cho học sinh, cha mẹ học sinh và nhân dân biết, tiếp cận các thông tin do nhà trường công khai hàng năm.

Trên đây là kế hoạch thực hiện ba công khai năm học 2023-2024 của trường Trung học cơ sở Lê Văn Tâm./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT: để báo cáo;
- Website thông tin trường
- Công khai Phòng giáo viên;
- VC-NLĐ toàn trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Tuấn

Biểu mẫu 09

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÂM

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Đủ ĐK theo Quy chế tuyển sinh THCS	Đủ ĐK tuyển sinh	Đủ ĐK tuyển sinh	Đủ ĐK tuyển sinh
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	PT hệ 12 năm	PT hệ 12 năm	PT hệ 12 năm	PT hệ 12 năm
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Chắc chắn chấp hành đúng điều lệ trường	Chắc chắn chấp hành đúng điều lệ trường	Chắc chắn chấp hành đúng điều lệ trường	Chắc chắn chấp hành đúng điều lệ trường
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo

Tam Mỹ Tây, ngày 12 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Tuấn

Biểu mẫu 10**UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÂM****THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	294	94	60	79	61
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	268 (91.16%)	85 (90.43%)	54 (90.00%)	70 (88.61%)	59 (96.72%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	26 (8.84%)	9 (9.57%)	6 (10.00%)	9 (11.39%)	2 (3.28%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0.00%)	0 (0.00%)	0 (0.00%)	0 (0.00%)	0(0.00%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0(0.00%)	0(0.00%)	0(0.00%)	0(0.00%)	0(0.000%)
II	Số học sinh chia theo học lực	294	94	60	79	61
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	61 (20.75%)	22 (23.40%)	10 (16.67%)	10 (12.66%)	19 (31.15%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	129 (43.88%)	41 (43.62%)	23 (38.33%)	32 (40.51%)	33 (54.10%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	103 (35.03%)	30 (31.92%)	27 (45.00%)	37 (46.83%)	9 (14.75%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1(0.34%)	1(1.06%)	0(0.00%)	0(0.00%)	0(0.00%)
5	Kém	0(0.00%)	0(0.00%)	0(0.00%)	0(0.00%)	0(0.00%)

	(tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	293 (99.66%)	93 (98.94%)	60 (100%)	79 (100)	61 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	61 (20.75%)	22 (23.40%)	10 (16.67%)	10 (12.66%)	19 (31.15%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	129 (43.88%)	41 (43.62%)	23 (38.33%)	32 (40.51%)	33 (54.10%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	6 (2.04%)	5 (5.32%)	0	1(1.27%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.34%)	1 (1.06)	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	1	0	1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	18	2	1	6	9
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					

VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	61 (100%)				61 (100%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	19 (31.1%)				19 (31.1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	33 (54.1%)				33 (54.1%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	9 (14.8%)				9 (14.8%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	144/150	94/50	60/29	79/41	61/30
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Tam Mỹ Tây, ngày 10 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Tuấn

Biểu mẫu 11

PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÂM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	13	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	13	-
1	Phòng học kiên cố	9	2.43m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	4	0.713/học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	9/9	-
8	Bình quân học sinh/lớp	34	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	10.949,2m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	14886m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	9(459.050m ²)	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	4(370,073m ²)	
3	Diện tích thư viện (m ²)	1(125.66m ²)	

4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	2(64.83m ²)	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	56	
1.1	Khối lớp 6	12	2/1
1.2	Khối lớp 7	16	2/1
1.3	Khối lớp 8	28	2/1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	15	
2.2	Khối lớp 7	18	
2.3	Khối lớp 8	12	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	14	18.5
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Thiết bị khác...		

6		
----------	-------	--	--

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

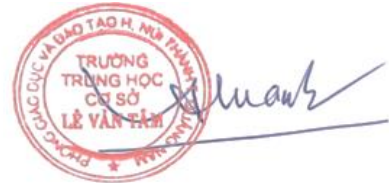
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		0.97m ² /học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tam Mỹ Tây, ngày 12 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Tuấn

Biểu mẫu 12**UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÂM****THÔNG BÁO****Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26													
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	18		1	17				9	9					
1	Toán	3			3				1	2					
2	Lý	2			2				1	1					
3	Hóa	1			1					1					
4	Sinh	1			1				1						
5	Sử	1			1				1						
6	Địa	1		1						1					
7	Thể dục	1			1				1						
8	Mĩ thuật	1			1					1					
9	Ngữ văn	3			3				2	1					
10	Tiếng anh	2			2				2						
11	Âm nhạc	1			1					1					
12	Tin	1			1					1					
II	Cán bộ quản lý	2		1	1					1	1				

1	Hiệu trưởng	1			1					1				
2	Phó hiệu trưởng	1		1						1				
III	Nhân viên	6			1		3	2						
1	Nhân viên văn thư	1					1							
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên thư viện	1					1							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					1							
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	Nhân viên bảo vệ	2						2						

Tam Mỹ Tây, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Tuấn